

| | | | |
|------------|-----------|---------|---------|
| Ngày | 7,900 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 31.7% | 71.7% | 25.4% |

| | |
|-----------------------|----------------|
| Sàn giao dịch | UPCOM |
| Khoảng giá 52 tuần | 2,700 - 11,100 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 187 |
| Số lượng CPLH (CP) | 23,627,990 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 755 |
| Sở hữu nước ngoài | 0.0% |
| Beta | 0.73 |
| EPS | -769 |
| P/E | -10.3 |

DT thuần

Q1/24

7.32

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.23 | 43.8%

YoY: ▼0.45 | -5.8%

LN trước thuế

Q1/24

-1.57

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.45 | 74.0%

YoY: ▲ 2.01 | 56.2%

LN sau thuế

Q1/24

-1.57

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.45 | 74.0%

YoY: ▲ 2.01 | 56.2%

ROA

2023

-12.0%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần

2023

22.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼41.2 | -64.6%

LN trước thuế

2023

-15.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.50 | 3.3%

LN sau thuế

2023

-15.9

tỷ VNĐ

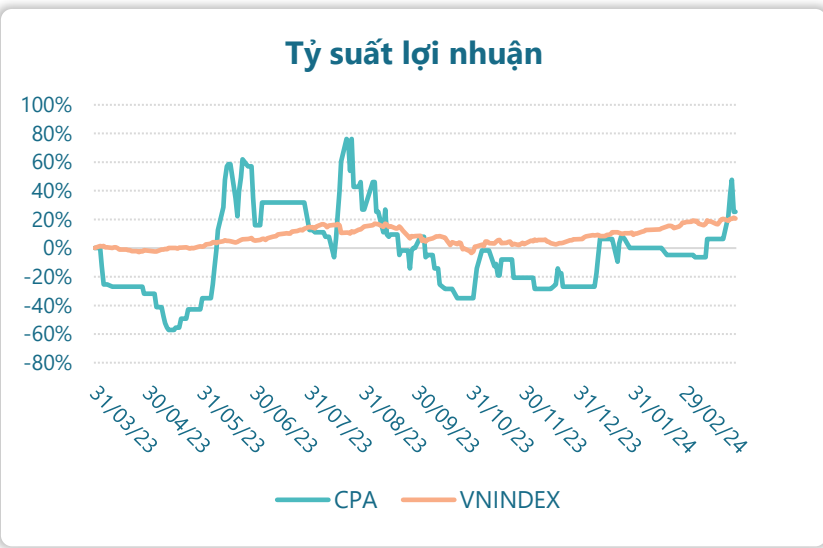
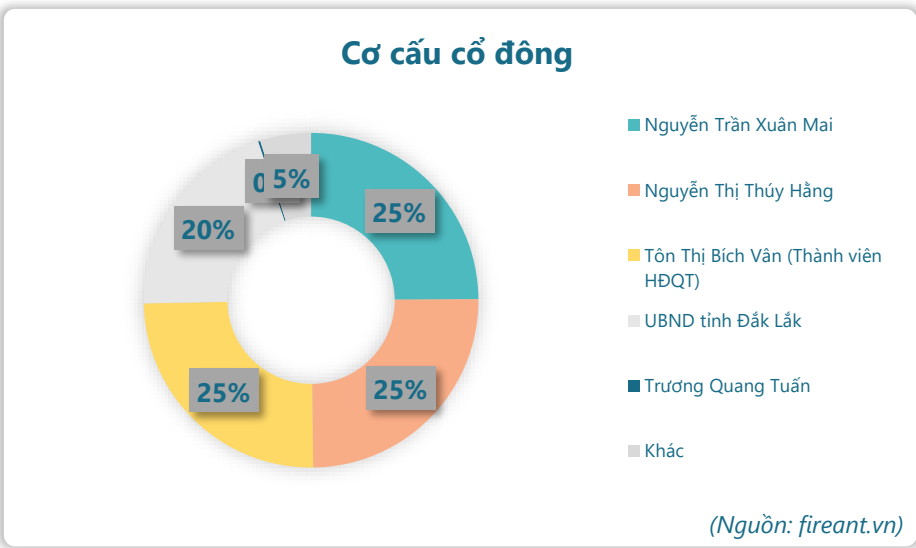
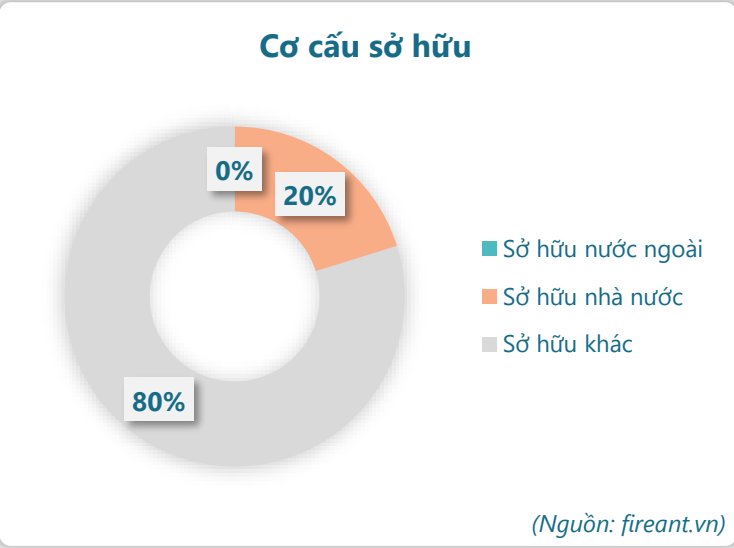
YoY: ▲ 0.50 | 3.3%

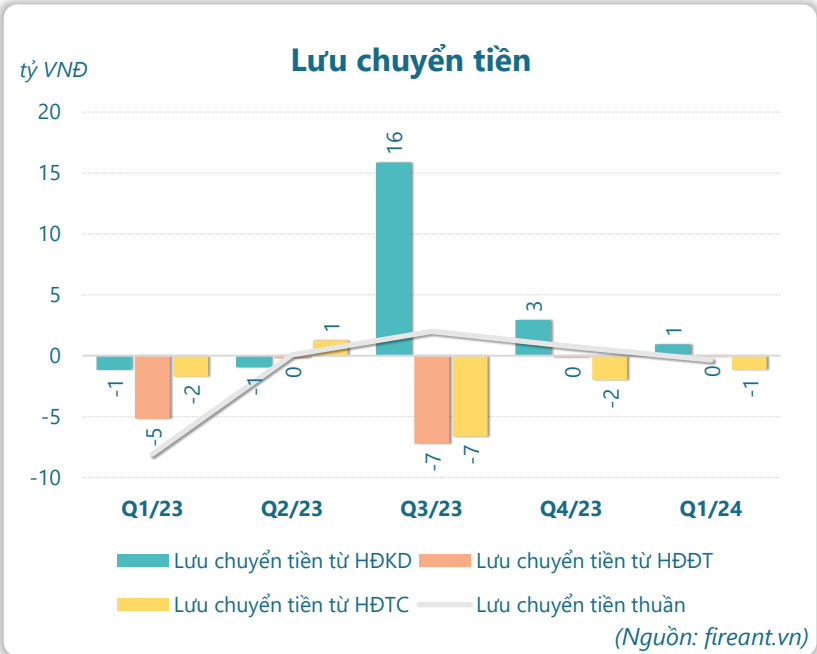
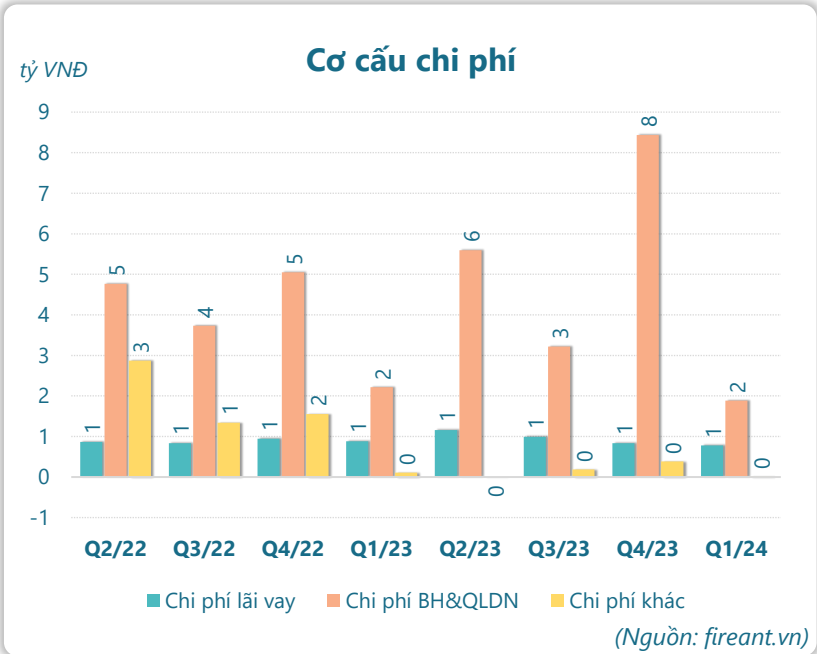
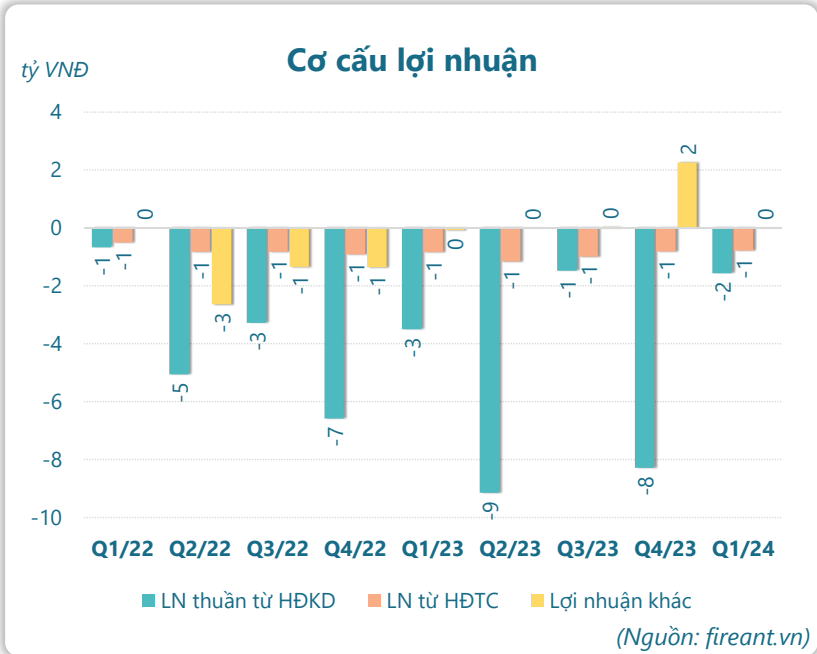
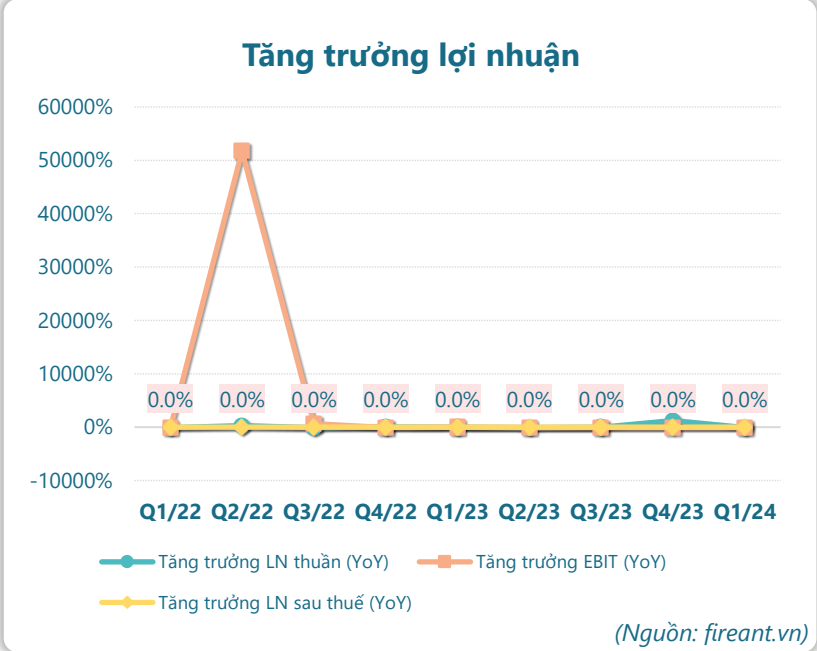
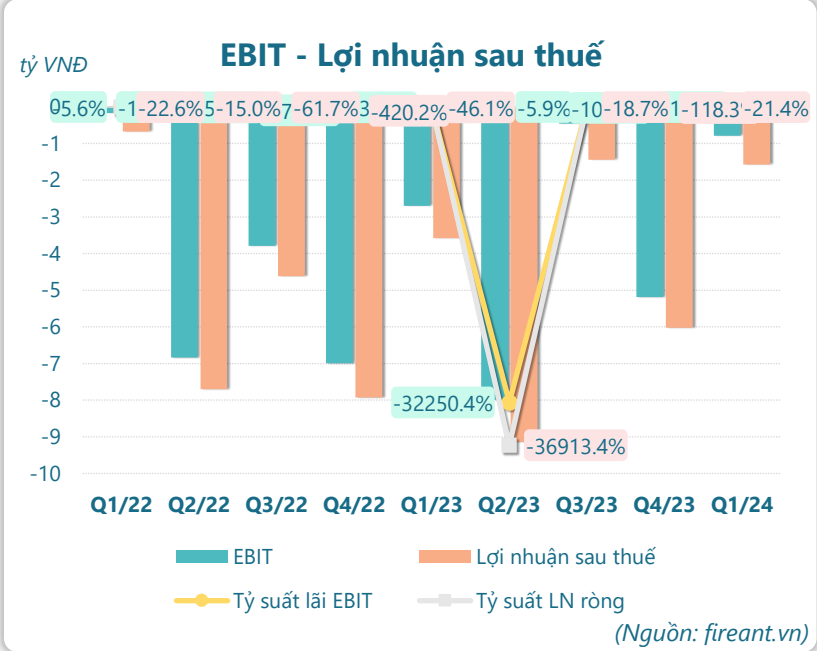
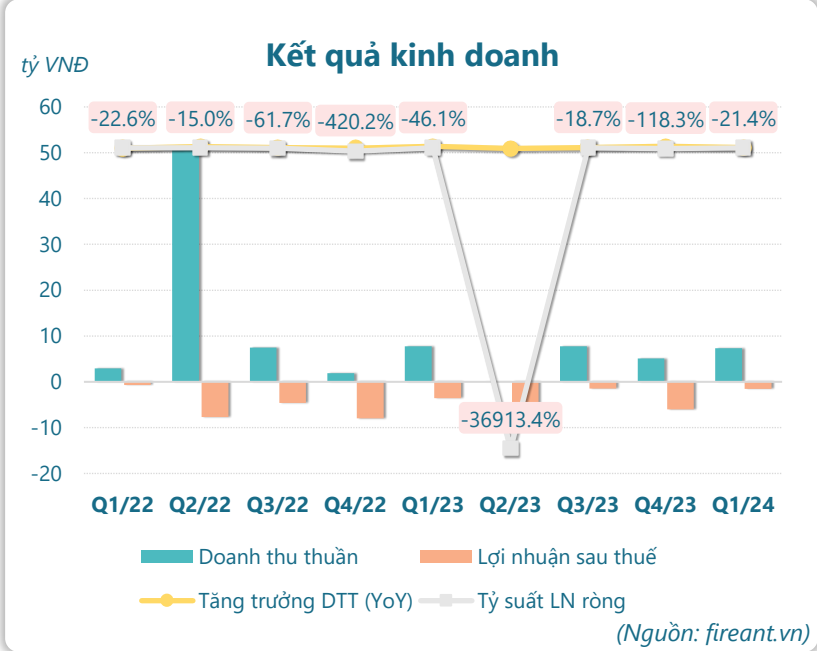
ROE

2023

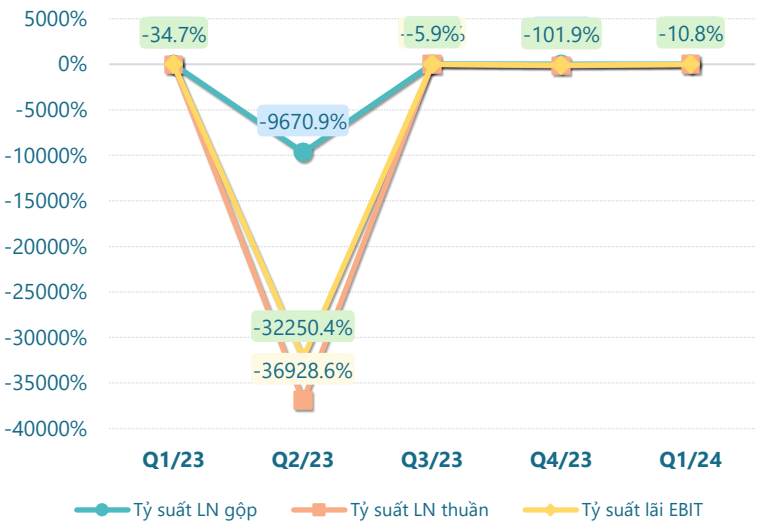
-24.2%

+/- YoY: ▼ 4.1%



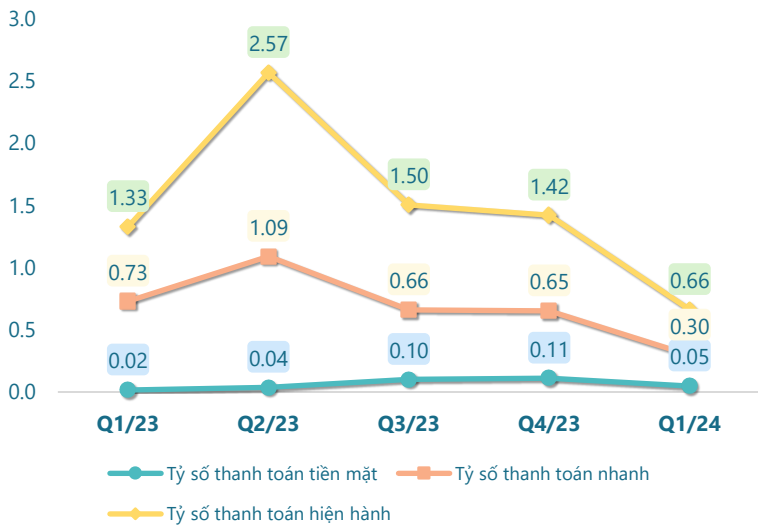


Tỷ suất lợi nhuận



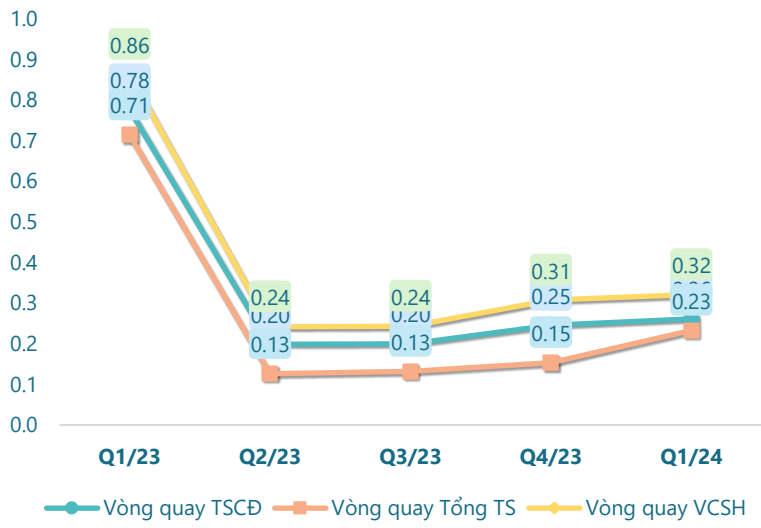
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



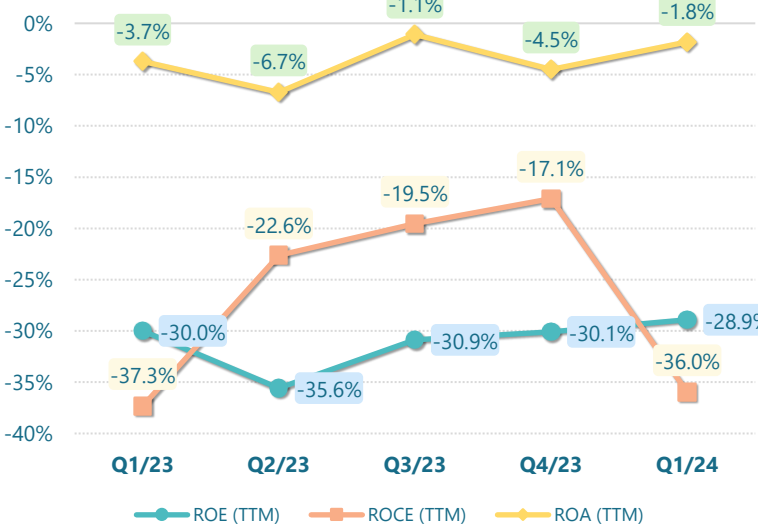
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



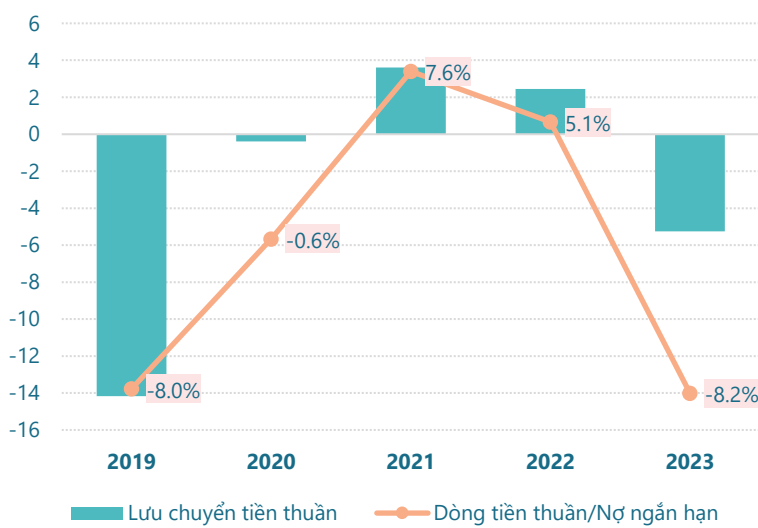
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



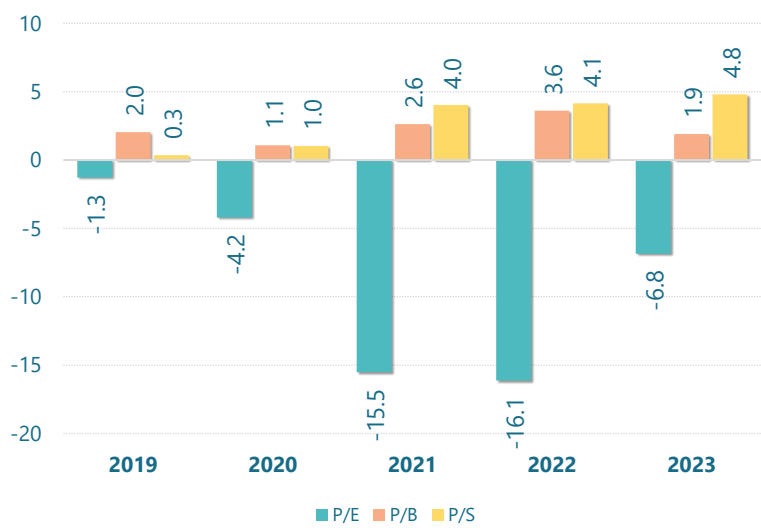
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)